

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**
Số: 15/2014/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cao Bằng, ngày 24 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Ủy Ban Dân tộc, Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên môi trường về việc Quy định thực hiện một số điều của Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại tờ trình số 176 /TTr-BDT ngày 14 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản (xóm) đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15 /2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng).

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này áp dụng để thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn quy định tại Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản (xóm) đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg được thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh Cao Bằng

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với hộ gia đình

Hộ đồng bào DTTS được thụ hưởng các chính sách quy định tại Quyết định 755/QĐ-TTg phải đảm bảo đủ các điều kiện sau đây:

- Là hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Quyết định 755/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành;

- Là những hộ DTTS (kể cả hộ chỉ có vợ hoặc chồng là người DTTS) và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn đã định cư ở địa phương; hộ di dân tự do được đưa vào quy hoạch, kế hoạch định cư của địa phương; hộ di dân tự do nay trở về quê cũ trước thời điểm Quyết định 755/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, được UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND xã) xác nhận;

- Sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân do UBND cấp tỉnh quy định, có khó khăn về nước sinh hoạt chưa được hưởng các chính sách của nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

2. Đối với cộng đồng thôn, bản

Thôn, bản là tổ chức được quy định theo Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và có từ 20% hộ DTTS nghèo trở lên đang sinh sống bằng nghề nông lâm nghiệp và có khó khăn về nước sinh hoạt.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

- Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt phân tán, nước sinh hoạt tập trung cho đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình. Hộ được thụ hưởng từ chính sách trên, phải trực tiếp quản lý, sử dụng các khoản được hỗ trợ nhằm ổn định sản xuất, đời sống, xoá đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của các DTTS. Kể từ ngày được Nhà nước giao đất trong vòng 10 năm không được chuyển nhượng, tặng, cho, cầm cố, cho thuê đất.

- Việc bình xét hộ đồng bào DTTS nghèo chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, đất ở và có khó khăn nước sinh hoạt đều phải được tiến hành từ cơ sở thôn, bản đảm bảo công khai, dân chủ có đại diện các tổ chức đoàn thể được UBND xã xem xét, trình UBND huyện, Thành phố kiểm tra, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt. Danh sách hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn sau khi UBND tỉnh phê duyệt được hưởng các chính sách theo Quyết định 755 phải được niêm yết công khai tại UBND xã và thông báo đến cộng đồng dân cư thôn xóm nơi có đối tượng được hưởng biết.

- Ngoài mức hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp quy định tại Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tùy theo khả năng của từng huyện, thành phố; từng xã, phường, thị trấn căn cứ vào tình thực tế của huyện huy động thêm vật chất, ngày công lao động của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư,... để giúp đỡ đồng bào.

- Trường hợp ở những nơi quá khó khăn về quỹ đất, không có điều kiện giải quyết hỗ trợ đất sản xuất, đất ở cho đồng bào thì UBND huyện chủ động giải quyết theo hướng lập các dự án di chuyển dân đi nơi khác theo kế hoạch của huyện, trước hết là di chuyển trong xã, trong huyện hoặc lập các dự án phát triển kinh tế, giải quyết việc làm tạo thu nhập cho đồng bào.

- Các khoản chi phí quản lý, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ do ngân sách tỉnh, huyện đảm bảo, không được trích vào mức hỗ trợ cho các hộ:

+ Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh: Do ngân sách tỉnh đảm bảo, hàng năm Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

+ Kinh phí hoạt động của Ban quản lý cấp huyện, xã do Ngân sách huyện, thành phố đảm bảo, mức chi cụ thể do Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định.

+ Các khoản chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ đồng bào thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nguồn vốn và cơ chế thực hiện

- Ngân sách Trung ương đảm bảo các khoản chi cho ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán, hỗ trợ mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp. Ngân sách Trung ương chuyển vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay (50% tổng số vốn vay);

- Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thông qua nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề; chương trình bảo vệ và phát triển rừng; chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, để thực hiện các chính sách hỗ trợ học nghề, hỗ trợ xuất khẩu lao động, giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng, hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung.

- Ngân hàng chính sách xã hội đảm bảo huy động 50% tổng nguồn vốn vay.

- Ngân sách tỉnh và nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác cùng thực hiện trên cùng một đối tượng, địa bàn; nguồn huy động từ các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội cộng đồng dân cư...) để cùng nguồn Ngân sách Trung ương, vốn tín dụng ưu đãi thực hiện Chính sách.

Tất cả các nguồn vốn phải đưa vào kế hoạch để thống nhất quản lý; UBND các huyện có trách nhiệm lồng ghép vốn của các chương, dự án khác trên địa bàn huyện với nguồn vốn của Quyết định 755/QĐ-TTg để phân bổ cho từng xã. Việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ thực hiện các chính sách phải tiến hành công khai, minh bạch, dân chủ, không chia đều, ưu tiên giải quyết những vấn đề bức xúc của đời sống đồng bào.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đất ở

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm tự cân đối quỹ đất, ngân sách, quyết định giao đất ở cho hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách làm nhà ở.

- Mức giao diện tích đất ở cho mỗi hộ không quá 200m²/hộ.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ đất sản xuất

1. Hộ đưa vào diện thụ hưởng Chính sách hỗ trợ là hộ quy định tại Chương 1 điều 2 khoản 1 của Quy định này và phải có một trong các điều kiện sau đây:

- Chưa có đất sản xuất.

- Đã có đất sản xuất nhưng chưa đủ mức quy định theo Quyết định 134/QĐ-TTg (dưới 0,15 ha đất ruộng lúa nước 2 vụ hoặc dưới 0,25 ha đất ruộng lúa 1 vụ hoặc dưới 0,5 ha ruộng nương, rẫy).

2. Mức giao đất sản xuất: Những hộ không có hoặc chưa đủ đất sản xuất theo mức quy định của Quyết định 134/2004/QĐ-TTg, căn cứ theo quỹ đất thực tế của huyện, thành phố sẽ được giao thêm đất sản xuất để đảm bảo mức tối thiểu theo quy định.

3. Mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương và vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội cho mỗi hộ chưa có đất sản xuất tối đa 30 triệu đồng/ hộ (Ngân sách Trung ương hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ trong thời gian 5 năm, với lãi suất 0,1%/tháng tương đương 1,2%/năm).

Đối với hộ thiếu đất sản xuất số tiền được hỗ trợ tương ứng với diện tích đất còn thiếu so với mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình theo quy định tại Chương II, Điều 6, Khoản 3 của Quy định này.

4. Quỹ đất sản xuất giao cho đồng bào gồm các loại đất:

- Theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã được duyệt.

- Đất công Nhà nước thu hồi theo quy hoạch, đất điều chỉnh giao khoán trong các nông trường, lâm trường, Ban quản lý dự án.

- Đất thu hồi từ các nông trường, lâm trường hiện đang quản lý nhưng sử dụng kém hiệu quả; đất cho thuê mướn hoặc cho mượn.

- Khai hoang đất trống đồi núi trọc, đất chưa sử dụng.

- Đất thu hồi từ các doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh không có hiệu quả, sử dụng sai mục đích hoặc giải thể; đất thu hồi từ các cá nhân chiếm dụng hoặc cấp đất trái phép.

- Đất điều chỉnh từ các hộ gia đình tặng, cho hoặc tự nguyện chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Các loại đất khác do UBND xã và UBND huyện xác định:

Thu hồi một phần diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân nhưng không có khả năng sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả. Vận động, khuyến khích việc chuyển nhượng một phần diện tích đất nông nghiệp từ các hộ gia đình không có khả năng sử dụng, sử dụng kém hiệu quả.

Việc xác định khả năng sử dụng hoặc diện tích sử dụng kém hiệu quả do xóm, xã thực hiện theo phương thức bình xét.

5. Hình thức giao đất:

Việc tạo quỹ đất giao cho những hộ không có hoặc thiếu đất sản xuất, đất ở theo Quyết định 755/QĐ-TTg do Chủ tịch UBND huyện quyết định.

- Trường hợp UBND huyện, thành phố (Gọi tắt là UBND cấp huyện) còn quỹ đất có khả năng sản xuất được mà không cần phải thực hiện cải tạo đất thì UBND cấp huyện, Thành phố căn cứ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện giao đất hỗ trợ cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất theo Chương II, Điều 6, Khoản 2, của Quy định này. Các hộ đã được giao đất không được sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trường hợp huyện còn quỹ đất sản xuất nhưng phải khai hoang, phục hoá, cải tạo đất để có khả năng sản xuất được thì UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã, phường, thị trấn quy định các hộ trực tiếp khai hoang, phục hoá, cải tạo đất hoặc tổ chức lập và thực hiện dự án khai hoang, phục hoá, cải tạo đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để giao đất cho hộ được thụ hưởng chính sách và mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện theo quy định tại Quyết định 755/QĐ-TTg và Quy định này.

- Trường hợp các hộ có nhu cầu tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất thì UBND cấp huyện Quy định các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai và mức hỗ trợ thực hiện việc nhận chuyển nhượng theo số tiền giao dịch thực tế nhưng không được vượt quá 30 triệu đồng/hộ (Ngân sách Trung ương 15 triệu/hộ; vốn vay tín dụng 15 triệu/hộ).

- Tùy điều kiện thực tế, UBND cấp huyện quyết định hỗ trợ thêm cho các hộ được thụ hưởng từ ngân sách huyện và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 7. Các chính sách khác

Đối với những huyện không còn quỹ đất sản xuất để giao, tùy điều kiện thực tế của huyện thực hiện một trong các hình thức như hỗ trợ để chuyển đổi nghề hoặc hỗ trợ đi xuất khẩu lao động hoặc giao khoán bảo vệ và trồng rừng.

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề cho các hộ thuộc đối tượng hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg của huyện, thành phố; phối hợp với các sở, ngành chức năng và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mở các lớp đào tạo nghề theo cơ chế, chính sách quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách các hộ có nhu cầu vốn mua sắm nông cụ, máy móc để làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp;

quyết định danh sách các hộ được vay vốn để làm các nghề khác (nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp, kinh doanh buôn bán nhỏ và dịch vụ),

c) Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát và cấp vốn hỗ trợ theo chính sách cho các hộ trong danh sách đã được duyệt, đồng thời thông báo và phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện giải ngân phần vốn vay.

d) Mức hỗ trợ:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 4 triệu đồng/lao động có nhu cầu học nghề để chuyển đổi nghề; mức hỗ trợ cho từng lao động cụ thể căn cứ vào học phí, ngành nghề và thời gian học thực tế do chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ (thời gian vay 5 năm, với lãi suất 0,1%/tháng tương đương 1,2%/năm) đối với những hộ có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp hoặc cần vốn để làm nghề khác.

- Những hộ, lao động chuyển đổi nghề ngoài việc được hưởng các chính sách nêu trên còn được hưởng các chính sách ưu đãi liên quan về dạy nghề theo quy định hiện hành.

2. Hỗ trợ xuất khẩu lao động:

Đối với những hộ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất có nhu cầu xuất khẩu lao động thực hiện theo cơ chế, chính sách quy định tại Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020 và Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2009 Quy định thực hiện một số nội dung Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg.

Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp danh sách hộ được hưởng chính sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện.

3. Giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng

Hộ gia đình thực hiện giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng theo Quyết định số 755/QĐ-TTg thực hiện như cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 và Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 01 tháng 02 năm 2013 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng chính sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện.

Điều 8. Hỗ trợ nước sinh hoạt

1. Nước sinh hoạt phân tán

- Hộ có khó khăn về nước sinh hoạt phân tán là hộ quy định tại Chương I, Điều 2, Khoản 1 của Quy định này và phải nằm trong khu vực không có nguồn nước ngầm, nước tự chảy.

- Đảm bảo nguyên tắc các hộ được hỗ trợ kinh phí phải có nước sinh hoạt ổn định và bố trí ở khu vực thuận tiện cho sinh hoạt gia đình.

- Mức hỗ trợ bình quân cho hộ để xây bể chứa nước, đào giếng nước hoặc tự tạo nguồn nước là 1,5 triệu đồng/hộ; trong đó: Ngân sách Trung ương 1,3 triệu đồng và Ngân sách địa phương (đối ứng từ Ngân sách Trung ương 20% nếu có): 260.000đ/hộ. Trên cơ sở hỗ trợ của Nhà nước hộ chủ động góp thêm kinh phí, lao động, vật liệu để xây dựng.

UBND cấp huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt danh sách các hộ được hỗ trợ kinh phí nước phân tán.

UBND cấp xã có trách nhiệm giám sát, nghiệm thu và cấp vốn hỗ trợ cho các hộ theo danh sách được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Nước sinh hoạt tập trung

Thôn được hưởng thụ chính sách nước sinh hoạt tập trung là thôn, bản quy định Chương I, Điều 2, Khoản 2 của Quy định này, có khả năng khai thác nguồn nước phục vụ sinh hoạt nhưng chưa được đầu tư.

- Căn cứ đề án đã được phê duyệt thuộc Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và tình hình thực tế, UBND cấp huyện rà soát, tổng hợp điều chỉnh đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung báo cáo UBND tỉnh phê duyệt đề án thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg cho cả giai đoạn.

- Trong trường hợp có sự điều chỉnh các công trình thuộc đề án đã được phê duyệt, yêu cầu UBND cấp huyện báo cáo chi tiết nội dung liên quan công trình về Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản của Ban Dân tộc trình UBND tỉnh phê duyệt lại danh mục công trình.

- Mức hỗ trợ: Ngân sách Trung ương hỗ trợ bình quân 1.300 triệu đồng/công trình.

- Căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách, UBND cấp tỉnh là cấp quyết định mức vốn đầu tư từng công trình nước sinh hoạt tập trung theo Quyết định 755/QĐ-TTg.

3. Duy tu bảo dưỡng công trình nước sinh hoạt tập trung

- Hàng năm UBND cấp huyện đề xuất danh mục duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt tập trung báo cáo Ban Dân tộc.

- Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt tập trung đã được đầu tư theo Quyết định 134/QĐ-TTg, Quyết định 1592/QĐ-TTg và Quyết định 755/QĐ-TTg .

- Nguồn vốn duy tu bảo dưỡng: Bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh, huyện, xã và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

Điều 9. Trình tự và thủ tục hành chính xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg

Bước 1: Trưởng thôn tổ chức họp mời đại diện tất cả các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách của thôn có trong danh sách hộ nghèo của xã, thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã. Thời gian hoàn thành, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận chỉ đạo của xã.

Các hộ đăng ký với trưởng thôn nhu cầu hưởng chính sách hỗ trợ; trưởng thôn lập danh sách các hộ đăng ký. Thời gian hoàn thành, trong 3 ngày làm việc kể từ ngày thôn tổ chức họp thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã.

Bước 2: Trưởng thôn tổ chức họp thôn, bình xét công khai, có đại diện của các tổ chức chính trị - xã hội tại thôn, đại diện một số hộ gia đình có trong danh sách; trưởng thôn lập hồ sơ (gồm biên bản họp bình xét và danh sách theo thứ tự ưu tiên những hộ thuộc diện gia đình chính sách, hộ khó khăn hơn) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 2 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đăng ký.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp hồ sơ của các thôn, tổ chức kiểm tra quy trình bình xét ở thôn; lập danh sách thứ tự ưu tiên tại xã có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; lập 02 bộ hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách) gửi 01 bộ cho cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 10 làm việc ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các thôn.

Bước 4: Phòng Dân tộc cấp huyện rà soát, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu của các xã, lập hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách của từng xã chi tiết đến từng hộ, từng thôn) gửi Ban Dân tộc tỉnh. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xã.

Bước 5: Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập Đề án gửi Ủy ban Dân tộc thẩm tra trước khi phê duyệt. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cấp huyện.

Điều 10. Quy trình thủ tục cho vay thu hồi nợ

Thực hiện theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội.

Điều 11. Lập dự toán và phân bổ kinh phí

Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đối tượng thụ hưởng chính sách tại Quy định này

thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, ngoài ra Quy định cụ thể như sau:

1. Hằng năm, căn cứ Đề án thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt, Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và xây dựng dự toán ngân sách đề nghị Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo từng chính sách, báo cáo UBND tỉnh gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Đối với kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề, hỗ trợ xuất khẩu lao động, giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng, hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung, Ban Dân tộc phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề; chương trình bảo vệ và phát triển rừng; chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn gửi bộ, ngành quản lý chương trình và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Chính phủ quyết định.

2. Trên cơ sở dự toán bổ sung có mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao, nguồn ngân sách tỉnh và nguồn huy động khác để thực hiện các chính sách theo quy định tại Quyết định 755/QĐ-TTg. Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phân bổ vốn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét tham mưu trình UBND tỉnh. UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trong dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

3. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán cho cấp huyện (chi tiết theo từng nhiệm vụ). Căn cứ mức kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ và thông báo cho từng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) chi tiết theo hạng mục công trình và chính sách hỗ trợ cho các hộ dân được hưởng theo danh sách đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp kinh phí uỷ quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo hình thức bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ lao động học nghề, chuyển đổi nghề Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ban dân tộc cấp tỉnh thực hiện.

4. Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai mức hỗ trợ đến từng thôn, từng hộ dân theo từng chính sách được hỗ trợ.

Điều 12. Quy định về quản lý, cấp phát, thanh toán, kế toán và quyết toán

Việc quản lý, cấp phát, thanh toán kinh phí để thực hiện các chính sách theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg cho các đơn vị và cho từng hộ dân

phải chặt chẽ, đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng; nhất là đối với những khoản thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc hiện vật) cho các hộ dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập danh sách cho từng hộ ký nhận và thực hiện đầy đủ thủ tục, chứng từ theo quy định:

1. Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất

Căn cứ phương án giải quyết về đất ở và đất sản xuất cho các hộ chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất; tùy theo phương thức thực hiện để có cơ chế cấp phát thanh toán cho phù hợp. Mức thanh toán tương ứng với số diện tích thực tế đã khai hoang hoặc chuyển nhượng và tối đa không vượt quá mức quy định hỗ trợ của nhà nước cho từng hộ dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc thanh toán phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

a) Đối với đất dân tự khai hoang

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn của huyện được giao nhiệm vụ Quy định các hộ tổ chức khai hoang theo đúng quy hoạch sử dụng đất của từng xã và phù hợp tập quán canh tác của đồng bào.

Căn cứ kết quả khai hoang của các hộ dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân huyện giao nhiệm vụ thực hiện nghiệm thu khối lượng, lập biên bản nghiệm thu.

Căn cứ danh sách các hộ dân tự tổ chức khai hoang, biên bản nghiệm thu diện tích khai hoang, giấy đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn của huyện được giao nhiệm vụ Quy định các hộ tổ chức khai hoang, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho từng hộ dân.

b) Đối với đất nhận chuyển nhượng

Ủy ban nhân dân cấp huyện giao một đơn vị chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cùng với các hộ dân xác định diện tích đất chuyển nhượng của các hộ, lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất và biên bản bàn giao (có xác nhận của các bên liên quan và chính quyền cấp xã);

Căn cứ định mức chi, danh sách và diện tích đất chuyển nhượng của các hộ dân, biên bản bàn giao; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, thanh toán cho các hộ dân có đất chuyển nhượng, đồng thời thông báo sang Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay.

2. Đối với quỹ đất thu hồi của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:

Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Hỗ trợ các chính sách khác

a) Hỗ trợ hộ có lao động học nghề để chuyển đổi nghề:

Việc tổ chức học nghề, hỗ trợ lao động học nghề để chuyển đổi nghề thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 102/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2013 của liên bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015.

b) Hỗ trợ hộ có lao động, có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp hoặc cần vốn để làm ngành nghề khác, tăng thu nhập.

Căn cứ danh sách các hộ được duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp gửi phòng Dân tộc và Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, thanh toán cho các đối tượng.

c) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động, kinh phí giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng: Thực hiện cấp phát và thanh toán cho đối tượng theo quy định tại văn bản Quy định quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia việc làm và chương trình bảo vệ phát triển rừng.

4. Thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán

Căn cứ danh sách các hộ dân được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đăng ký của các hộ dân về phương thức thực hiện; Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện (các hộ dân nhận lu, stéc, vật dụng chứa nước; tự làm bể chứa nước; tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, cơ quan công tác dân tộc cấp huyện kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân. Mức cấp phát thanh toán không vượt quá mức quy định hỗ trợ của nhà nước cho từng hộ dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc cấp phát, thanh toán cho các đối tượng được hưởng chính sách theo các phương thức thực hiện như sau:

a) Đối với các hộ dân được cấp lu, stéc, vật dụng chứa nước

Căn cứ danh sách đăng ký của các hộ dân, hợp đồng cung ứng giữa đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ với đơn vị cung ứng lu, stéc, vật dụng chứa nước; khối lượng lu, stéc, vật dụng chứa nước thực tế cấp cho các hộ dân theo biên bản bàn giao giữa đơn vị cung ứng và từng hộ dân (có ký nhận của chủ hộ), Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước thanh toán cho các đơn vị cung cấp lu, stéc, vật dụng chứa nước theo quy định.

b) Đối với các hộ dân tự làm bể chứa nước

Căn cứ danh sách đăng ký của các hộ dân, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao cung ứng xi măng tại thôn cho từng hộ dân theo đúng số lượng đã hợp đồng. Khi giao xi măng cho từng hộ dân phải lập bảng kê khối lượng xi măng giao cho từng hộ dân để các hộ ký nhận, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã làm căn cứ thanh toán.

Căn cứ bảng kê khối lượng xi măng thực tế cung ứng cho các hộ dân, giá bán đến thôn bản đã ký kết, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước thanh toán cho đơn vị cung ứng xi măng theo quy định.

c) Đối với các hộ dân tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác

Căn cứ danh sách đăng ký của các hộ dân, Ủy ban nhân dân cấp xã vận động các tổ chức chính trị - xã hội tại xã phối hợp với cộng đồng dân cư hướng dẫn, giúp đỡ các hộ dân thực hiện.

Sau khi có biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (có chữ ký xác nhận của hộ gia đình, tổ chức chính trị - xã hội tại xã), Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các hộ.

5. Đối với các công trình khai hoang tập trung hoặc công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại các thôn, bản.

Để đảm bảo đầu tư đồng bộ, phù hợp yêu cầu trước mắt và lâu dài, kế hoạch đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn, bản, khai hoang tạo quỹ đất phải dựa trên cơ sở quy hoạch, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt. Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, khai hoang tập trung thực hiện theo quy định hiện hành.

a) Dự án đầu tư :

- Dự án đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt tập trung và khai hoang tập trung được chia làm 2 loại do UBND tỉnh quyết định:

+ Dự án đầu tư do huyện quản lý: Gồm các dự án đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt tập trung và khai hoang tập trung của huyện được UBND tỉnh quyết định, trong đó mỗi xã là một dự án thành phần.

+ Dự án đầu tư do xã quản lý: Chỉ áp dụng với những công trình có quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản, đội ngũ cán bộ xã có đủ năng lực tự đảm nhận được công việc quản lý điều hành thực hiện dự án, với dự án có mức vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng.

b) Chủ đầu tư dự án:

- Dự án do huyện quản lý thì UBND huyện làm chủ đầu tư.

- Dự án do xã quản lý thì UBND xã làm chủ đầu tư.

UBND huyện có trách nhiệm lồng ghép vốn của các chương trình, dự án khác trên cùng địa bàn huyện với nguồn vốn của Quyết định 755 /QĐ-TTg để phân bổ vốn cho từng công trình ở từng xã trong kế hoạch hàng năm, đảm

bảo phù hợp giữa khả năng nguồn vốn với tiến độ đầu tư của công trình, và thực hiện hết vốn, hoàn thành công trình theo tiến độ đã được duyệt.

Trong quá trình điều hành, tùy theo quy mô và tính chất của từng công trình cụ thể, Chủ tịch UBND huyện có thể phân cấp cho xã đảm nhận quản lý đầu tư và xây dựng một số công trình đơn giản có mức vốn dưới 500 triệu.

c) Ban quản lý dự án: Chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án; ban quản lý dự án hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, có nhiệm vụ và quyền hạn giúp chủ đầu tư tổ chức, triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình.

- Ban quản lý dự án cấp huyện: UBND huyện thành lập ban quản lý dự án hoặc giao cho ban quản lý dự án đã có thực hiện. Ban quản lý dự án huyện được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện và có con dấu riêng.

- Ban quản lý dự án cấp xã: Trưởng ban do Chủ tịch UBND xã đề nghị, Chủ tịch UBND huyện quyết định. Ban quản lý dự án cấp xã được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện và dùng con dấu của UBND xã để giao dịch.

- Ban quản lý dự án giúp chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ :

+ Lập dự án đầu tư.

+ Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, thiết kế, lập dự toán công trình.

+ Lập kế hoạch sử dụng nguồn lực huy động cho công trình.

+ Lập kế hoạch đầu tư hàng năm.

+ Tổ chức đầu tư, giám sát thi công công trình.

+ Quản lý vật tư, tài sản, tiền vốn đầu tư cho công trình.

+ Lập thủ tục để thanh, quyết toán vốn đầu tư.

+ Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

d) Lập, thẩm định và thực hiện đầu tư :

- Việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt tập trung và khai hoang tập trung thực hiện theo quy định hiện hành.

- Dự án sau khi được phê duyệt, UBND huyện gửi về Thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 755 tỉnh (Ban Dân tộc tỉnh) để tổng hợp, thông báo cho các thành viên Ban chỉ đạo biết và chỉ đạo thực hiện. Công trình phải đúng danh mục, đối tượng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Hàng năm, chủ đầu tư phải thực hiện kế hoạch chuẩn bị đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt tại xóm, khai hoang tập trung cho năm sau, trình UBND tỉnh quyết định. Vốn chuẩn bị đầu tư được bố trí trong kế hoạch từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương đầu tư.

- Thiết kế - dự toán: Chủ đầu tư có trách nhiệm ký hoặc uỷ quyền cho Trưởng ban quản lý dự án ký hợp đồng với các tổ chức tư vấn lập thiết kế, dự toán.

+ Trước khi phê duyệt các công trình, UBND huyện giao cho cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định đầu tư công trình.

- Đơn giá để tính dự toán do thông báo giá của liên sở: Sở Tài chính - Sở Xây dựng.

- Tổ chức thực hiện: UBND huyện quyết định tổ chức đấu thầu theo hình thức chỉ định thầu nhưng phải giao cho đơn vị nhận thầu thi công ưu tiên sử dụng lao động tại chỗ tham gia xây dựng công trình dựa trên cơ sở dự toán được duyệt và có sự giám sát của xã, xóm.

- UBND các huyện ưu tiên các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung có quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản giao cho cộng đồng thực hiện theo quy định đối với các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thuộc Chương trình 135 theo văn bản Quy định thực hiện Quyết định 551/QĐ-TTg của UBND tỉnh.

- Giám sát thi công: Chủ đầu tư, tư vấn giám sát và ban giám sát công trình của xã phối hợp thực hiện.

- Nghiệm thu, bàn giao, quản lý, khai thác công trình:

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành theo quy định hiện hành. Sau khi hoàn thành nghiệm thu chủ đầu tư bàn giao một bộ hồ sơ, tài liệu về các vấn đề có liên quan đến công trình cho UBND xã. Thủ tục bàn giao công trình phải theo đúng quy định hiện hành.

Riêng công trình khai hoang, sau khi hoàn thành UBND xã lập danh sách và diện tích, thông qua HĐND xã và trình cấp có thẩm quyền quyết định giao quyền sử dụng đất cho từng hộ gia đình.

e) Các nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn lực huy động tại chỗ của cộng đồng.

- Nguồn hỗ trợ của các ngành, đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội và các nguồn khác.

+ Nếu hỗ trợ chung cho huyện thì tổng hợp chung vào nguồn vốn của huyện đầu tư cho dự án để phân bổ cho từng dự án.

+ Nếu hỗ trợ trực tiếp cho xã, xóm hoặc cho công trình cụ thể thì tổng hợp vào nguồn vốn của ngân sách xã để đầu tư cho công trình theo đề nghị của nhà tài trợ.

- Nguồn vốn Ngân sách Trung ương.

- Nguồn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

+ Nếu hỗ trợ chung cho huyện thì tổng hợp chung vào nguồn vốn đầu tư của dự án để phân bổ cho từng công trình.

+ Nếu hỗ trợ trực tiếp cho xã, xóm hoặc công trình cụ thể bằng tiền hoặc vật tư thì tổng hợp vào nguồn vốn của ngân sách xã để đầu tư cho công trình theo đề nghị của nhà tài trợ.

- Nguồn vốn Ngân sách địa phương.

Ngoài ra còn có nguồn vốn Ngân sách Nhà nước đầu tư qua các chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư khác cùng đầu tư trên địa bàn.

f) Tạm ứng, thanh toán vốn: Tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản Quy định hiện hành.

g) Trách nhiệm kiểm soát chi: Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán đảm bảo số tiền hỗ trợ theo đúng kinh phí được cấp và danh sách phê duyệt theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tính chính xác của biên bản nghiệm thu và việc sử dụng số tiền hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng.

h) Báo cáo kế toán và quyết toán

Số kinh phí Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo đời sống khó khăn theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg được hạch toán, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương theo quy định hiện hành.

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn được hạch toán, tổng hợp vào ngân sách như sau: Đối với kinh phí hộ có lao động học nghề để chuyển đổi nghề được hạch toán, tổng hợp vào ngân sách cấp tỉnh; đối với kinh phí hỗ trợ quy định tại Khoản 1, 3b, 4, 5, Điều 12 của Chương II Quy định này được hạch toán, tổng hợp ngân sách cấp huyện (ngân sách cấp huyện cấp kinh phí uỷ quyền cho ngân sách cấp xã) hoặc quyết toán ngân sách cấp xã (ngân sách cấp huyện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã) theo phân cấp ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Cấp tỉnh

1. Ban Dân tộc tỉnh

- Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg, chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ, hiệu quả thực hiện các chính sách thuộc quyết định trên địa bàn tỉnh; là cơ quan chủ trì, phối hợp các sở ngành tham mưu giúp UBND tỉnh tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và UBND huyện, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai việc rà soát, xác định đối tượng, nhu cầu vốn và xây dựng đề án thực hiện Quyết định 755 trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt; căn cứ vào kết quả rà soát, tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương tham mưu giúp UBND tỉnh quyết định mức vốn đầu tư từng công trình nước sinh hoạt tập trung cho phù hợp; tổng hợp kế hoạch nhu cầu vốn thực hiện chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg gửi UBND tỉnh để tổng hợp gửi Ủy Ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cùng với thời điểm lập kế hoạch phát triển KT - XH và dự toán ngân sách hằng năm; phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý thực hiện các chính sách Quyết định 755/QĐ-TTg.

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chính sách theo QĐ 755/QĐ-TTg và tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban Dân tộc trong quý I/2016 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các sở, ngành có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động nghiên cứu, tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện những nội dung chính sách có liên quan cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn bản ĐBKK của Quyết định 755/QĐ-TTg và theo Quy định tại Thông tư số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT; có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các huyện, Thành phố tổ chức triển khai thực hiện các chính sách có hiệu quả, thực hiện đúng quy định tại Thông tư.

Điều 14. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong diện chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách trên địa bàn huyện. Công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng thụ hưởng chính sách.

- Tổ chức điều tra, lập đề án giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK trên địa bàn huyện (Trong đề án phải thể hiện rõ được các nguồn vốn hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, vốn huy động và thời gian hoàn thành) gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ (hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, cả năm); hàng năm các huyện tổ chức sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện và gửi báo cáo về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban chỉ đạo Trung ương.

Điều 15. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg và Thông tư số 04/2013/TTLT-UBND- BTC-BTNMT trên địa bàn xã.

- Thông báo công khai mức hỗ trợ đến từng thôn, bản, người dân theo từng chính sách, chế độ được hưởng, niêm yết công khai danh sách các hộ được hưởng chính sách tại UBND xã, phường, thị trấn; tổ chức thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định; xây dựng kế hoạch, theo dõi, quản lý, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện theo yêu cầu của cấp trên.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, UBND các huyện, thành phố có ý kiến bằng văn bản gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh